

MÔ TẢ TÍNH KHÍ

Tính khí

Khi Tim nói rằng 'I'm all **calm** and **controlled** on the surface' – Tôi luôn bình tĩnh và có kiểm soát ở bên ngoài – anh ta mô tả tính khí của anh ta. Tính khí là một phần của tính cách của bạn mà ảnh hưởng đến cảm giác và tâm trạng và cách mà bạn hành xử.

Dưới đây là một cách khác để mô tả **tính khí** và **tính cách** của con người.

Các đặc điểm tích cực

Những loại tính khí và tính cách thường được xem là tích cực:

loyal

chung thủy, không thay đổi trong tình bạn và hoặc hỗ trợ cho ai đó

Example: Even after he was sent to prison for murder, she still visited him every week. I don't think I would be so **loyal** if I was in her shoes.

Ví dụ: Ngay cả sau khi anh ta bị vào tù vì tội giết người, cô ta vẫn thăm viếng anh ta mỗi tuần. Tôi không nghĩ tôi sẽ chung thủy như vậy nếu tôi là cô ta.

extrovert / extravert

người đầy nghị lực, vui vẻ mà thường thụ sự tham dự của người khác

Example: She's the life and soul of every party. She's really **extrovert**.

Ví dụ: Cô ta là cuộc sống và tinh thần của mỗi buổi tiệc. Cô ta thật sự sống động.

warm

ấm áp và trìu mến (biểu lộ cảm xúc sự cởi mở và sự thương yêu)

Example: Bill's a really **warm** guy. If you ever need to ask a favour, he'll always try to help you out.

Ví dụ: Bill thật là một người trìu mến. Nếu bạn cần một sự giúp đỡ, anh ta luôn cố gắng giúp đỡ bạn.

sociable

ai đó mà thích gặp gỡ người mới và gần gũi với người khác

Example: He's really **sociable**. He goes out every weekend, loves going to parties and has loads of friends.

Ví dụ: Anh ta thật dễ gần gũi. Anh ta đi chơi vào mỗi cuối tuần, thích dự tiệc và có rất nhiều bạn bè.

calm

hòa bình và im lặng, không lo lắng hoặc dễ bị kích động

Example: She's just who you want to be with in a crisis. She's so **calm**. She never gets flustered even when it's all going really badly, she just gets on with what she has to do without making a big fuss.

Ví dụ: Cô ta là người mà bạn muốn gần gũi khi trong cuộc khủng hoảng. Cô ta rất bình tĩnh. Cô ta không bao giờ bị kích động ngay cả khi tình hình rất xấu, cô ta chỉ thực hiện cái mà cô ta phải làm mà không gây một sự khó khăn nào.

sensitive

hiểu cái người khác muốn hoặc cái cần về cảm xúc, và luôn giúp đỡ và tốt bụng với họ

Example: Even though he's a really aggressive boxer, at home he's a loving, **sensitive** father bringing up three children by himself.

Ví dụ: Ngay cả anh ta thật sự là một võ sĩ quyền anh, ở nhà anh ta là một người cha thương yêu, tế nhị nuôi lớn 3 đứa con một mình.

Các đặc điểm tiêu cực

Những loại tính khí và tính cách thường được xem là tích cực:

temperamental

ai đó mà tâm trạng thường thay đổi rất bất thường và đột ngột

Example: He's so **temperamental** I never know how to approach him. One minute he's as nice as anything, next he's a complete nightmare.

Ví dụ: Anh ta rất thất thường nên tôi không biết cách tiếp cận anh ta. Một lúc anh ta rất tốt như mọi người, sau đó anh ta thật là một cơn ác mộng.

docile

ít nói và dễ dàng cho người khác ảnh hưởng, thuyết phục hoặc kiểm soát

Example: He's as **docile** as a lamb around her. She can do whatever she wants and he never argues.

Ví dụ: Ông ta nhẹ dạ như con cừu của bà ta. Bà ta có thể làm tất cả cái gì mà bà ta muốn và ông ta không cãi lại.

obsessive

không thể ngừng suy nghĩ về cái gì đó, quá quan tâm hoặc lo lắng về cái gì đó.

Example: Everything in her kitchen is in perfect order and every one of her books and CDs is arranged in alphabetical order. She's incredibly **obsessive**.

Ví dụ: Mọi thứ trong nhà bếp của bà ta luôn được giữ ngăn nắp và tất cả sách và đĩa CD được sắp xếp theo thứ tự ABC. Bà ta thật là người bị ám ảnh.

introverted

nhút nhát, ít nói và không có nhiều bạn bè

Example: He acts on stage in front of hundreds of people. It's hard to believe he's actually really shy and completely **introverted**.

Ví dụ: Anh ta biểu diễn trên sân khấu trước hàng trăm người. Thật khó để tin rằng anh ta thật sự là một người nhút nhát và hoàn toàn sống nội tâm

cold

không thân thiện, không biểu lộ sự trù mến, tốt bụng hoặc cảm xúc

Example: She's very **cold**. Even if you're really ill, she expects you to come into work. She has no sympathy for you have any kind of difficulty at all.

Ví dụ: Cô ta rất lạnh lùng. Ngay cả bạn thật sự bị bệnh, cô ta yêu cầu bạn đi làm. Cô ta không có sự thông cảm cho bạn về bất kỳ sự khó khăn nào.